

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/DS - ST
Ngày: 31-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2026/TLST - DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: số B, N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Minh Q, chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ và bà Lê Thị Thu H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1977; địa chỉ liên lạc: Trung tâm xử lý nợ, Lầu A Tòa nhà B N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Phạm Công Quốc H1, sinh năm: 2001; địa chỉ: số D, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh C trình bày:

Ngày 26/7/2022, ông Phạm Công Quốc H1 có ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông H1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 179.779.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 151.040.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng) nên ngày 11/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 23/02/2026, ông H1 còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 80.377.076 đồng, bao gồm các khoản sau: dư nợ gốc là 35.200.180 đồng và lãi quá hạn là 45.176.896 đồng. Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu ông H1 có trách nhiệm thanh toán nợ nhưng ông H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã giao kết với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Phạm Công Quốc H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 23/02/2026 là 80.377.076 đồng (T mươi triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng) trong đó gồm: dư nợ gốc là 35.200.180 đồng và lãi quá hạn là 45.176.896 đồng.

- Buộc ông Phạm Công Quốc H1 phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 24/02/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng mà ông Phạm Công Quốc H1 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Bị đơn ông Phạm Công Quốc H1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 100, điểm d khoản 3 Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; buộc ông Phạm Công Quốc H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng là 80.377.076 đồng, bao gồm các khoản sau: dư nợ gốc là 35.200.180 đồng và lãi quá hạn là 45.176.896 đồng; buộc ông Phạm Công Quốc H1 phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 24/02/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng mà ông Phạm Công Quốc H1 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Về án phí, ông Phạm Công Quốc H1 phải chịu án phí là 4.018.853 đồng. H2 lại tiền tạm ứng án phí 1.445.933 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0062542 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Phạm Công Quốc H1 trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phạm Công Quốc H1 nơi cư trú tại số D, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025) vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Phạm Công Quốc H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Phạm Công Quốc H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Công Quốc H1.

[3] Về nội dung vụ án: vào ngày 26/7/2022 ông Phạm Công Quốc H1 có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) để yêu cầu Ngân hàng cấp thẻ tín dụng theo hình thức tín chấp, với hạn mức cấp tín dụng được duyệt là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng và đã được Ngân hàng giải ngân cho ông H1. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông H1 chưa thanh toán đầy đủ tiền vay theo hợp đồng đã thỏa thuận cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay của ông H1 sang nợ quá hạn, số tiền ông H1 còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 23/02/2026 là 80.377.076 đồng (T mươi triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng) trong đó gồm: dư nợ gốc là 35.200.180 đồng và lãi quá hạn là 45.176.896 đồng.

[4] Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 26/7/2022 kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cùng các tóm tắt sao kê đến ngày 23/02/2026. Căn cứ vào thỏa thuận trên thì Ngân hàng và ông H1 ký kết hợp đồng bằng văn bản, khi ký hợp đồng các bên có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng phát sinh hiệu lực.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Công Quốc H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và T1 báp về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét. Do đó, các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đưa ra là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Phạm Công Quốc H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và lãi như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Công Quốc H1 phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 100, điểm d khoản 3 Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 ngày 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Phạm Công Quốc H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 23/02/2026 tổng cộng là 80.377.076 đồng (Tám mươi triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó gồm: nợ gốc là 35.200.180 đồng và lãi quá hạn là 45.176.896 đồng.

Buộc ông Phạm Công Quốc H1 có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/02/2026 cho đến khi ông Phạm Công Quốc H1 trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo lãi suất quy định tại hợp đồng mà ông Phạm Công Quốc H1 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Buộc ông Phạm Công Quốc H1 có nghĩa vụ nộp 4.018.853 đồng.

2.2. H2 lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0062542 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 - TP.HCM;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Tú